TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 5 - 2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;

Ông Đặng Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang; tạm trú: Đường D, khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang; tạm trú: Đường D, khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Trịnh Thị N trình bày:* Bà Trịnh Thị N và ông Nguyễn Văn H kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06 ngày 06/02/2018. Quá trình chung sống cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, tình cảm rạn nứt, không hàn gắn được, hiện vợ chồng đã ly thân, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 26/6/2018. Nay bà Trịnh Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 26/6/2018. Sau khi ly hôn bà Trịnh Thị N giao con chung cho ông Nguyễn Văn H nuôi. bà Trịnh Thị N không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:* Quá trình tố tụng giải quyết Tòa án ban hành thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Văn H không đến Tòa án cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật: Bà Trịnh Thị N có đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Văn H và có yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung. Như vậy, quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Văn H không đến Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn bà Trịnh Thị N có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Bà Trịnh Thị N và ông Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn năm 2018 tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06 ngày 06/02/2018 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà Trịnh Thị N cho rằng vợ chồng sống chung nhưng không hạnh phúc. Nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, tình cảm rạn nứt, không hàn gắn được, hiện vợ chồng đã ly thân, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình tố tụng giải quyết Tòa án ban hành thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai tại Tòa án nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn H không đến Tòa án cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy thể hiện bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt không có lý do chính đáng là đã tự từ bỏ quyền tố tụng và nghĩa vụ chứng minh của mình và phải chịu hậu quả pháp lý từ việc này. Do đó hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và do Tòa án thu thập. Căn cứ biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân phường H ngày 20/4/2023 xác định hiện vợ chồng đã ly thân không còn sinh sống chung với nhau nhiều năm. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông Nguyễn Văn H là có căn cứ, đúng theo quy định tại theo Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà Trịnh Thị N và ông Nguyễn Văn H có 01 con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 26/6/2018. Sau khi ly hôn bà N yêu cầu ông H sẽ nuôi con chung và bà N không cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân phường H ngày 20/4/2023 xác định hiện nay cháu Nguyễn Hải Đ sinh sống ổn định cùng với ông Nguyễn Văn H. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Đ cho ông H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ đảm bảo sự phát triển cho cháu.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Từ phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H là có căn cứ.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[8] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trịnh Thị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị N về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn và ông Nguyễn Văn H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn H

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06 ngày 06/02/2018 của UBND xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang không còn giá trị pháp lý).

1.2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn H là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 26/6/2018.

1.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.4. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

1.5. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Trịnh Thị N nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002440 ngày 20/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- UBND xã Việt Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phong